

Ngày 31/03/2024	72,000 VNĐ		
Thay đổi	1 tháng	3 tháng	6 tháng
	-9.9%	12.9%	-0.3%

Sàn giao dịch	HNX
Khoảng giá 52 tuần	51,000 - 82,162
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	515
Số lượng CPLH (CP)	7,147,580
KLGD BQ 20 phiên (CP)	15
Sở hữu nước ngoài	0.9%
Beta	0.29
EPS	9,811
P/E	7.3

DT thuần
Q1/24

162

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 12.0| 8.0%

YoY: ▲ 71.8| 79.6%

LN trước thuế
Q1/24

33.8

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 8.60| 34.1%

YoY: ▲ 27.8| 460%

LN sau thuế
Q1/24

27.7

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 6.50| 30.9%

YoY: ▲ 22.7| 459%

ROA
2023

18.1%

+/- YoY: ▼ 5.8%

DT thuần
2023

455

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 11.0| 2.3%

LN trước thuế
2023

61.8

tỷ VNĐ

YoY: ▼9.40| -13.2%

LN sau thuế
2023

51.4

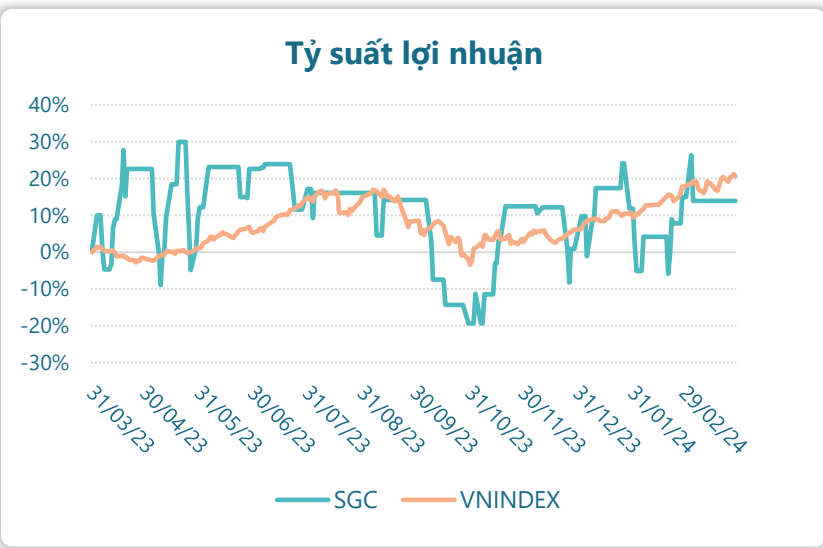
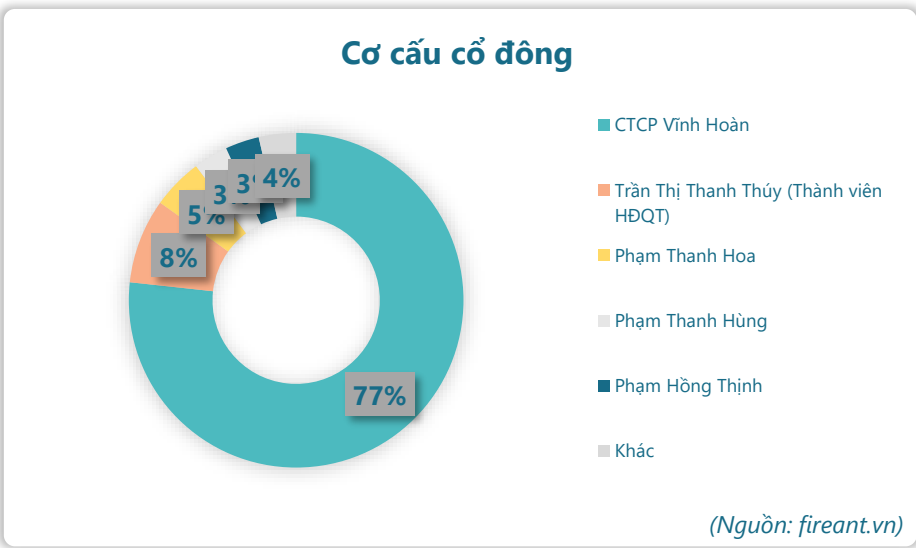
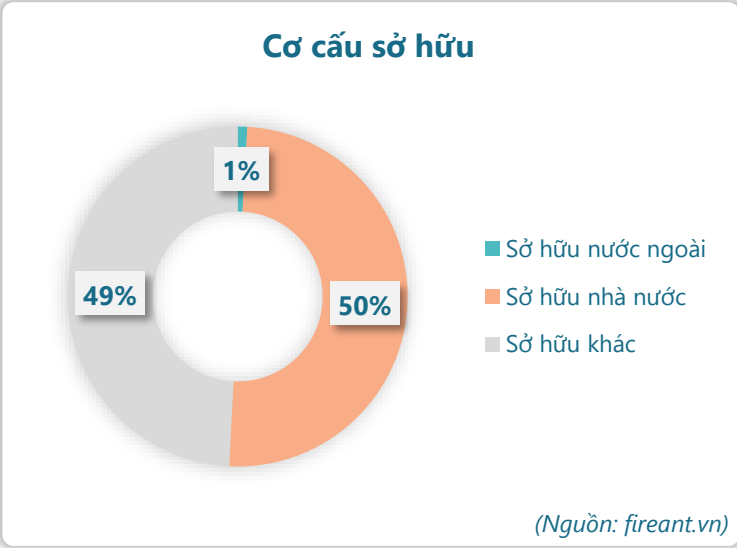
tỷ VNĐ

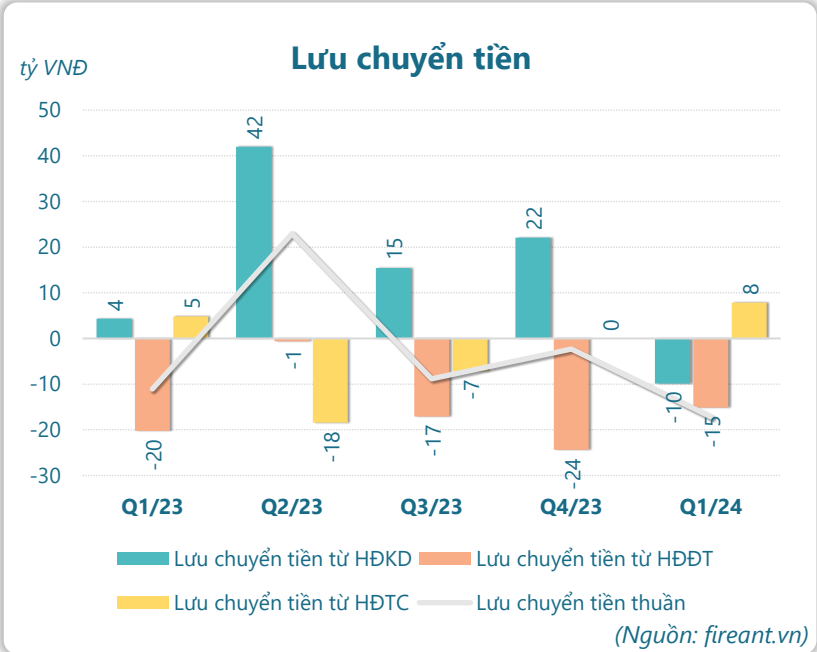
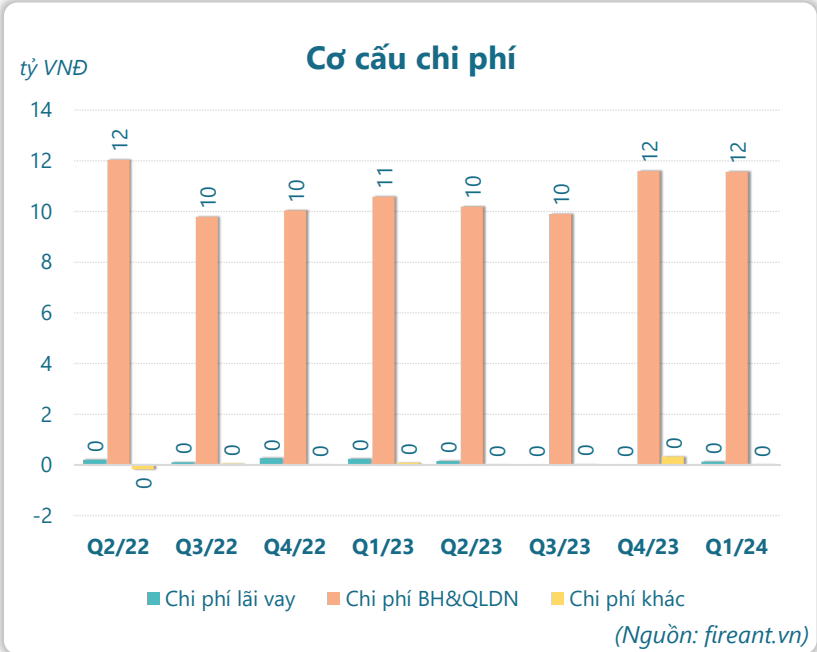
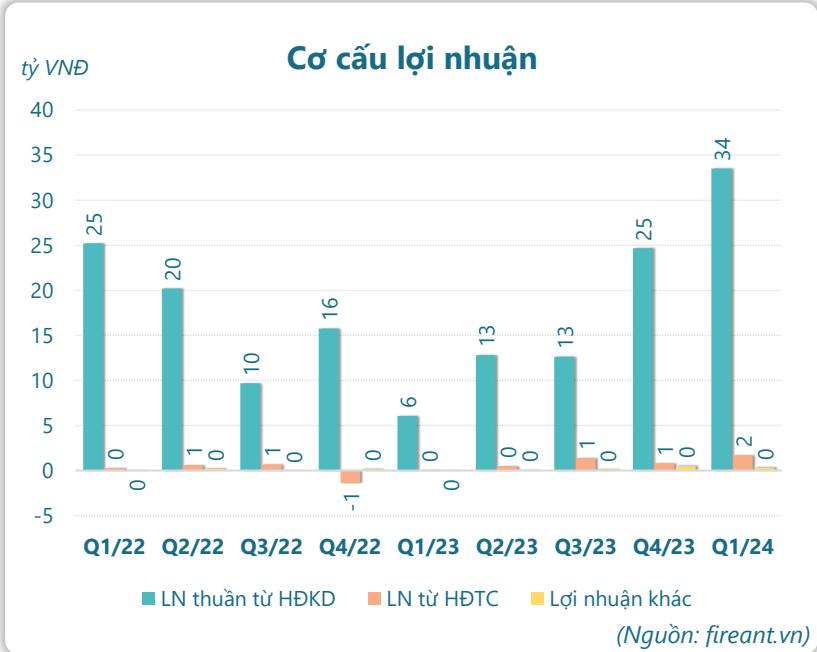
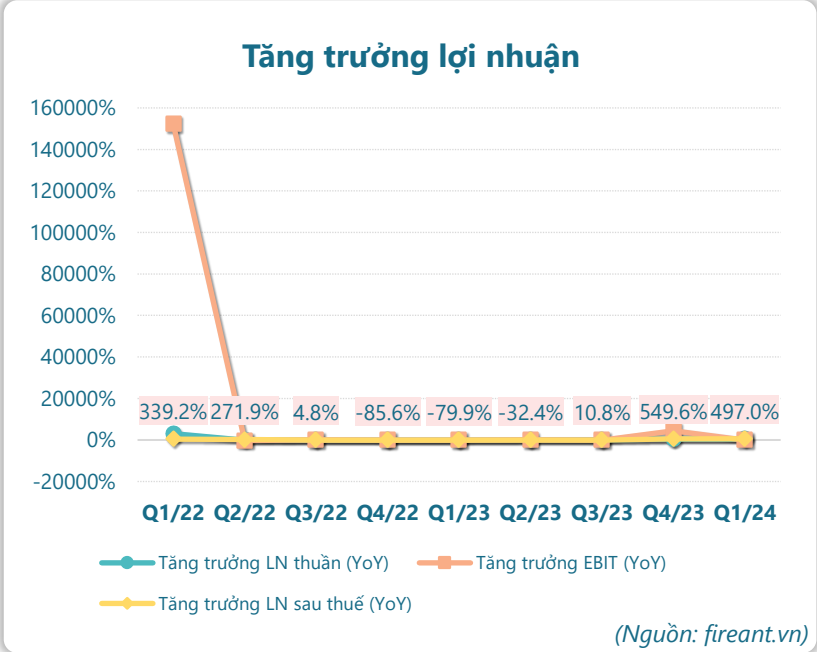
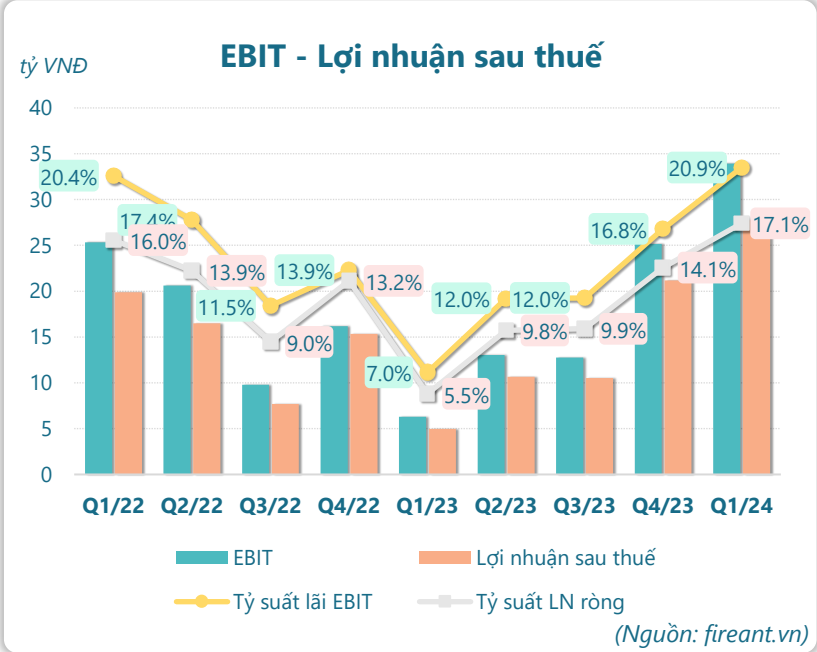
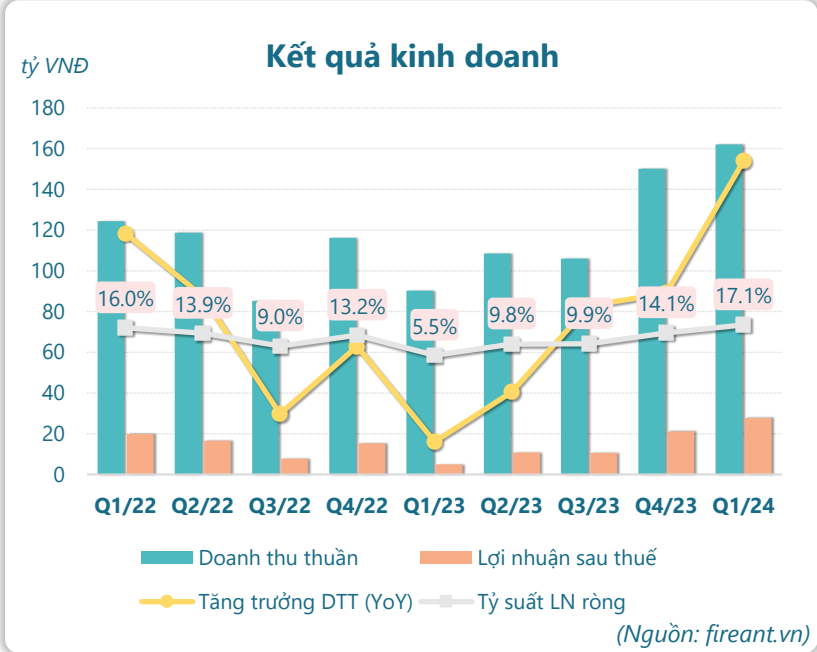
YoY: ▼8.00| -13.3%

ROE
2023

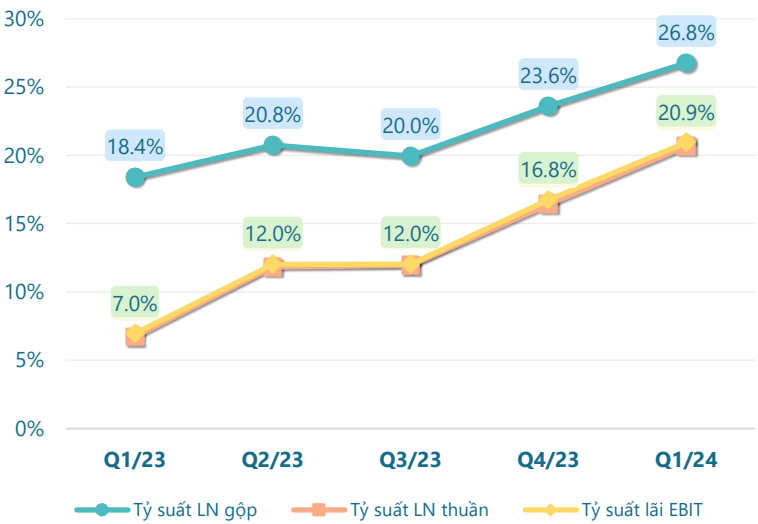
22.2%

+/- YoY: ▼ 10.6%

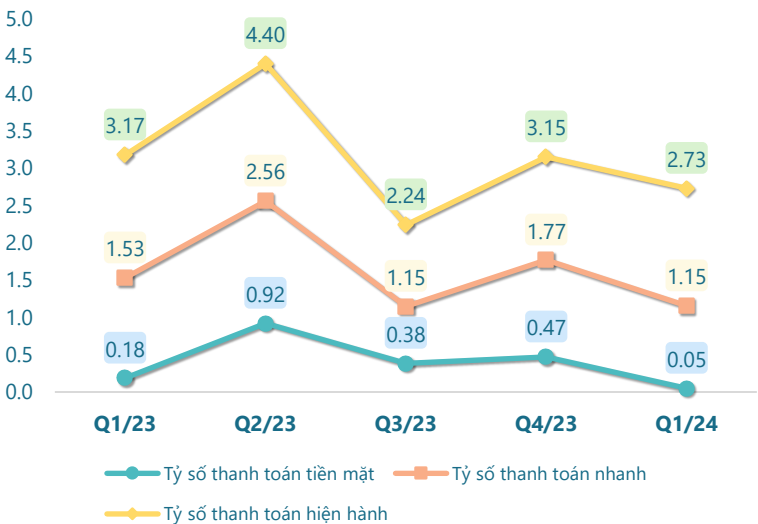




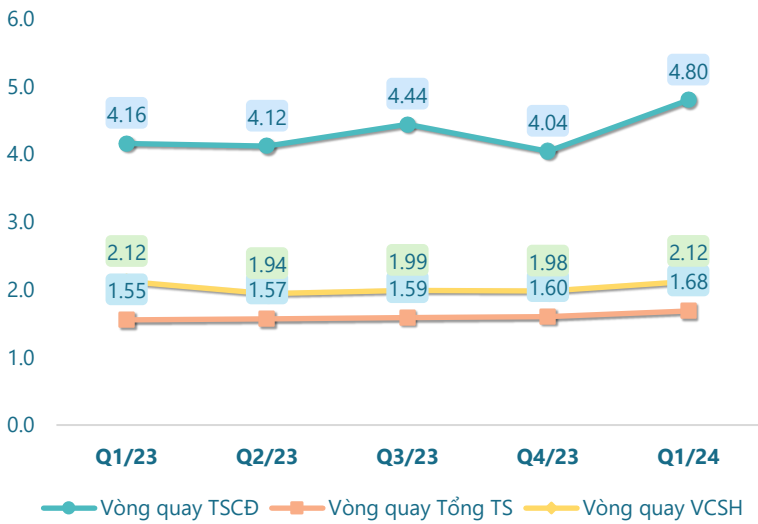
Tỷ suất lợi nhuận



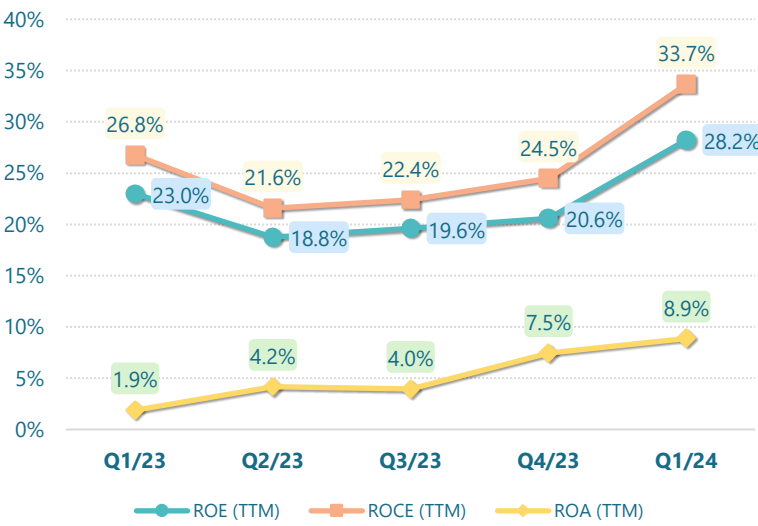
Chỉ số thanh khoản



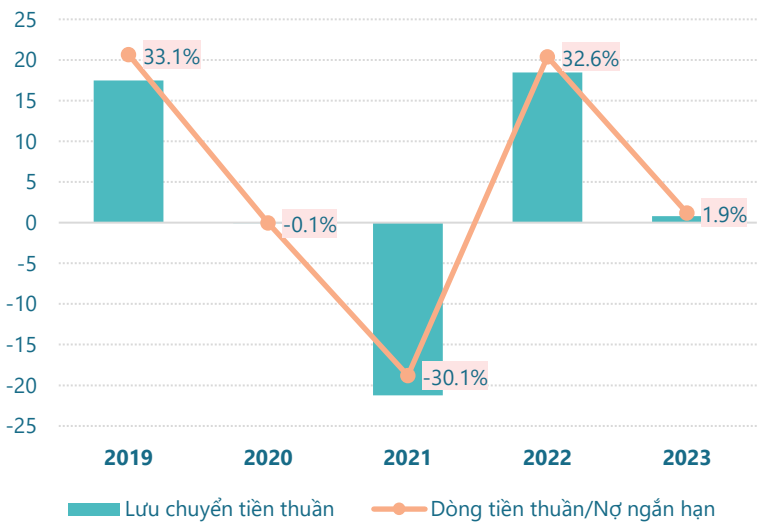
Vòng quay tài sản



Tỷ suất sinh lợi



Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



Nhóm chỉ số định giá

